

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2020
của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 2083/BTC-ĐT ngày 27/02/2020 của Bộ Tài chính về việc thực hiện Thông tư số 72/2017/TT-BTC và Thông tư số 06/2019/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Quyết định số 5422/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh;

Theo Quyết định số 382a/QĐ-BQL ngày 01/12/2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán chi quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 143/TTr-STC ngày 17/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán thu, chi của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh năm 2020 như sau:

1. Quyết toán nguồn thu: 25.671.813.000 đồng. Trong đó:

- Nguồn thu được sử dụng trong năm (a): 22.517.240.000 đồng.
- Nguồn thu chuyển sang năm 2021 tiếp tục sử dụng: 3.154.573.000 đồng.

2. Quyết toán các khoản chi:

- Chi thường xuyên (b): 4.999.264.992 đồng.
- Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (c): 0 đồng.

3. Quyết toán trích lập các quỹ trong năm (=a-b-c): 17.517.975.008 đồng.

4. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2020 cho các dự án số tiền: 22.517.240.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn thu quản lý dự án năm 2019 chuyển sang năm 2020 và nguồn thu quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Quyết toán nguồn thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán
I	Tổng cộng (1+2+3+4+5-6)	25.707.325.000	25.671.813.000
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	773.539.000	773.539.000
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	18.719.682.000	18.684.170.000
2.1	Nguồn trích quản lý dự án	9.960.235.000	9.960.235.000
1	Dự án PTNTTTH miền Trung-Bình Định - Khoản vay bổ sung	609.340.000	609.340.000
2	Hệ thống Kênh tưới Thượng Sơn	2.135.098.000	2.135.098.000
3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung, tỉnh Bình Định	897.133.000	897.133.000
4	Hồ chứa nước Đồng Mít	460.994.000	460.994.000
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	581.482.000	581.482.000
6	Sửa chữa cấp bách hồ Phú Khương	271.713.000	271.713.000
7	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Phú Thuận	77.473.000	77.473.000
8	Mở rộng khả năng tiêu thoát lũ tại vị trí cầu 20 tuyến ĐT.640	266.731.000	266.731.000
9	Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang	1.849.546.000	1.849.546.000
10	Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định	599.589.000	599.589.000
11	Tiêu úng thoát lũ sông Hà Thanh	60.007.000	60.007.000
12	Khu tái định cư Vĩnh Quang, xã Phước Sơn	400.000.000	400.000.000
13	Nạo vét bồi lấp cửa sông Tam Quan	394.870.000	394.870.000
14	Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước	833.314.000	833.314.000

15	Mặt đường BTXM của hệ thống giao thông trong 02 khu TĐC hồ chứa nước Đồng Mít	522.945.000	522.945.000
2.2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	8.759.447.000	8.723.935.000
1	Dự án PTNTTH Miền Trung-Bình Định - Khoản vay bổ sung	136.993.000	101.481.000
2	Hệ thống Kênh tưới Thượng Sơn	1.383.427.000	1.383.427.000
3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung, tỉnh Bình Định	1.597.239.000	1.597.239.000
4	Hồ chứa nước Đồng Mít	498.554.000	498.554.000
5	Sửa chữa cấp bách hồ Phú Khương	162.081.000	162.081.000
6	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Phú Thuận	230.507.000	230.507.000
7	Mở rộng khả năng tiêu thoát lũ tại vị trí cầu 20 tuyến ĐT.640	32.894.000	32.894.000
8	Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang	2.085.599.000	2.085.599.000
9	Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định	931.223.000	931.223.000
10	Tiêu úng thoát lũ sông Hà Thanh	5.480.000	5.480.000
11	Nạo vét bồi lấp cửa sông Tam Quan	334.535.000	334.535.000
12	Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước	731.360.000	731.360.000
13	Mặt đường BTXM của hệ thống giao thông trong 02 khu TĐC hồ chứa nước Đồng Mít	629.555.000	629.555.000
3	Dự án bổ sung trong năm	6.214.104.000	6.214.104.000
3.1	Nguồn trích quản lý dự án	3.343.783.000	3.343.783.000
1	Đập dâng Suối Ba Cây, xã Canh Liên, huyện Vân Canh	298.691.000	298.691.000
2	Cầu kết nối từ trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão	119.904.000	119.904.000
3	Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan	135.727.000	135.727.000
4	Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn	978.678.000	978.678.000
5	Kè xã Nhơn Lý, Tp Quy Nhơn	715.213.000	715.213.000

6	Sửa chữa cấp bách đê sông La Tinh đoạn thượng lưu đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ	504.739.000	504.739.000
7	Kiên cố chống sạt lở kênh chính hệ thống tưới Lại Giang từ cọc K0 đến K4+350	577.143.000	577.143.000
8	Kè xã Nhơn Hải, Tp Quy Nhơn	13.688.000	13.688.000
3.2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	2.870.321.000	2.870.321.000
1	Đập dâng Suối Ba Cây, xã Canh Liên, huyện Vân Canh	28.201.000	28.201.000
2	Cầu kết nối từ trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão	49.128.000	49.128.000
3	Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan	51.998.000	51.998.000
4	Xử lý cấp bách đê, kè sông Côn	827.512.000	827.512.000
5	Kè xã Nhơn Lý, Tp Quy Nhơn	639.429.000	639.429.000
6	Sửa chữa cấp bách đê sông La Tinh đoạn thượng lưu đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ	456.981.000	456.981.000
7	Đập dâng Lão Tâm	192.795.000	192.795.000
8	Kiên cố chống sạt lở kênh chính hệ thống tưới Lại Giang từ cọc K0 đến K4+350	588.641.000	588.641.000
9	Kè xã Nhơn Hải, Tp Quy Nhơn	35.636.000	35.636.000
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn bao gồm các khoản thuế phải nộp	0	0
5	Nguồn thu hợp pháp khác	0	0
6	Các khoản nộp trả theo kết luận của thanh tra kiểm toán về chi phí Ban QLDA	0	0
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	0	3.154.573.000
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II) (a)		22.517.240.000

2. Quyết toán các khoản chi

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng	6.652.249.507	4.999.264.992	
I	Chi thường xuyên (b)	5.852.249.507	4.999.264.992	(c)
1	Tiền lương	2.462.870.020	2.151.621.172	
2	Tiền công	140.000.000	92.900.000	
3	Các khoản phụ cấp lương	287.054.400	174.551.120	
	<i>Phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, TNVK</i>	<i>108.157.200</i>	<i>108.156.120</i>	
	<i>Phụ cấp làm đêm, thêm giờ</i>	<i>178.897.200</i>	<i>66.395.000</i>	
4	Các khoản trích nộp theo lương	872.325.087	853.229.192	
5	Chi tiền thưởng	10.000.000	0	
6	Chi phúc lợi tập thể	0	0	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	205.000.000	164.562.492	
8	Chi mua vật tư văn phòng	263.000.000	207.859.900	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	75.000.000	59.346.446	
10	Chi hội nghị	130.000.000	68.110.000	
11	Chi công tác phí	495.000.000	448.666.900	
12	Chi thuê mướn	55.000.000	45.540.000	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	100.000.000	0	
14	Chi đoàn vào	15.000.000	9.704.000	
15	Chi khấu hao tài sản cố định	0	0	
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	152.000.000	140.580.000	
17	Chi phí khác	590.000.000	582.593.770	
	<i>Các khoản chi phí khác</i>	<i>590.000.000</i>	<i>582.593.770</i>	
18	Dự phòng	0	0	
II	Chi không thường xuyên	800.000.000	0	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, TS dùng cho quản lý dự án	800.000.000	0	
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

3. Quyết toán trích lập các quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Quỹ	Quyết toán
		(1)=(2)+(3)+(4)=(a)-(b)-(c)
	Tổng số	17.517.975.008
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	10.150.473.809
2	Quỹ bổ sung thu nhập	6.779.331.876
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	6.779.331.876
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	588.169.323

4. Phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số	100	22.517.240.000	
1	Dự án PTNTTH miền Trung-Bình Định - Khoản vay bổ sung	3,16	710.821.000	
2	Hệ thống Kênh tưới Thượng Sơn	15,63	3.518.525.000	
3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung, tỉnh Bình Định	11,08	2.494.372.000	
4	Hồ chứa nước Đồng Mít	2,21	498.554.000	
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	3,76	847.719.000	
6	Sửa chữa cấp bách hồ Phú Khương	1,93	433.794.000	
7	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Phú Thuận	1,37	307.980.000	
8	Mở rộng khả năng tiêu thoát lũ tại vị trí cầu 20 tuyến ĐT.640	1,33	299.625.000	
9	Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang	17,48	3.935.145.000	
10	Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định	6,80	1.530.812.000	
11	Tiêu úng thoát lũ sông Hà Thanh	1,70	383.772.000	

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
12	Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn	1,78	400.000.000	
13	Nạo vét bồi lấp cửa sông Tam Quan	3,24	729.405.000	
14	Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước	5,25	1.181.360.000	
15	Mặt đường BTXM của hệ thống giao thông trong 02 khu TĐC hồ chứa nước Đồng Mít	5,12	1.152.500.000	
16	Đập dâng Suối Ba Cây, xã Canh Liên, huyện Vân Canh	0,16	35.523.000	
17	Cầu kết nối từ trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão	0,22	49.128.000	
18	Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan	0,23	51.998.000	
19	Xử lý cấp bách đê, kè sông Côn	5,90	1.327.512.000	
20	Kè xã Nhơn Lý, Tp Quy Nhơn	6,02	1.354.642.000	
21	Sửa chữa cấp bách đê sông La Tinh đoạn thượng lưu đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ	2,03	456.981.000	
22	Đập dâng Lão Tâm	0,86	192.795.000	
23	Kiên cố chống sạt lở kênh chính hệ thống tưới Lại Giang từ cọc K0 đến K4+350	2,61	588.641.000	
24	Kè xã Nhơn Hải, Tp Quy Nhơn	0,16	35.636.000	